TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 07/9/2026
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương và bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2026/TBTL- HNGĐPT ngày 07 tháng 8 năm 2026 về "tranh chấp ly hôn, con chung" do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 57/2026/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: **Chị Ma Thị Y**, sinh năm 1991 (có mặt)
+ **Bị đơn**: **Anh Vũ Văn V**, sinh năm 1985 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Xóm N, xã P, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Ma Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn V kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là UBND xã P, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 13/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa

hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Hiểu M, sinh ngày 11/12/2015 và cháu Vũ Đức M1, sinh ngày 20/04/2019. Khi ly hôn, chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con với lý do: Chị đang tự kinh doanh tiệm Spa tại phường P, tỉnh Thái Nguyên, thu nhập bình quân ổn định khoảng 20.000.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện kinh tế. Hiện tại, hai con đang được gửi cho ông bà ngoại tại xã B, tỉnh Thái Nguyên chăm sóc và đang theo học tại Trường Tiểu học B (cách nhà ông bà ngoại 1,5km); hàng tuần chị đều về thăm nom. Chị cho rằng anh V làm nghề lái xe taxi, thời gian làm việc không cố định nên không thể sát sao chăm sóc các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn V trình bày: Anh hoàn toàn nhất trí với lời khai của chị Y về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như thông tin về con chung. Tuy nhiên, anh xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình gặp khó khăn. Vào năm 2024, do áp lực quá lớn, anh thừa nhận đã không thực hiện đúng lời hứa và tròn trách nhiệm người chồng trong vòng 01 năm, có vài tháng không đưa tiền cho chị Y để trang trải cuộc sống. Dù vậy, anh V vẫn còn tình cảm với chị Y, luôn mong muốn được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái và cố gắng thay đổi bản thân để xây dựng lại gia đình. Do đó, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án quyết định cho anh chị ly hôn, anh nhất trí giao cả 2 cháu Vũ Hiểu M và Vũ Đức M1 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh V không yêu cầu Toà án giải quyết. Tại phiên toà sơ thẩm, anh V thay đổi ý kiến, anh xin nuôi cả hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 57/2026/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên đã xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57, Điều 81, 82, và Điều 83 Luật nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị Y về việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Vũ Văn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ma Thị Y được ly hôn anh Vũ Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Đức M1, sinh ngày 20/04/2019 cho chị Ma Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Vũ Hiếu M, sinh ngày 11/12/2015 cho anh Vũ Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Văn V, chị Ma Thị Y được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ma Thị Y và anh Vũ Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết.

Ngoài ra, bản án có tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Vũ Văn V có đơn kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh có mong muốn vợ chồng được đoàn tụ chung sống.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trong phần tranh luận, các đương sự đều giữ nguyên quan điểm của mình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Bị đơn anh V kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của anh Vũ Văn V về việc đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, Hội đồng xét xử thấy:

Chị Y và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp từ năm 2015 và đã có 02 con chung. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong những năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính được chị Y và anh V cùng xác nhận là do việc anh V nợ nần, chủ nợ thường xuyên đến tạo áp lực và làm phiền đến chị Y dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Vợ chồng từng sống ly thân một thời gian, sau đó đoàn tụ chung sống nhưng tình trạng hôn nhân không thể cải thiện được nên lại tiếp tục sống ly thân. Ngoài ra, chị Y còn cho rằng anh V có những lời lẽ xúc phạm đến chị và gia đình chị. Anh V thừa nhận đã hứa sẽ thay đổi bản thân nhưng không thực hiện được. Nay anh V tha thiết mong chị Y suy nghĩ lại để quay về chung sống và cho anh cơ hội để anh sửa sai. Tuy nhiên, anh không có biện pháp gì để khắc phục tình trạng hôn nhân, thậm chí, tại phiên toà phúc thẩm, khi chị Y trình bày về hành vi bạo lực của anh thì anh còn thừa nhận, sau khi xét xử sơ thẩm, anh có đánh chị Y vì lý do chị Y nói với mọi người rằng vợ chồng đã ly hôn. Những biểu hiện đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị Y và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng cũng đã ly thân, không còn chung sống nữa, nếu tiếp tục chung sống thì cuộc hôn nhân của chị Y và anh V cũng không mang lại hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Sự bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống sẽ làm ảnh hưởng xấu đến tinh thần của con chung. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có căn cứ. Kháng cáo của anh V không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh V không được chấp nhận nên anh V phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4]. Xét đề nghị của đại diện VKS về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Vũ Văn V.

1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 57/2026/HNGĐ-ST ngày 22/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên.

2. Án phí phúc thẩm: Anh Vũ Văn V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000236 ngày 15/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND KV3 - TN;
- THADS tỉnh TN;
- Phòng THADS KV3 TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Vũ Thị An